

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1+P5	7:25	8+14+0	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
2		AMD+P4	7:25	12+10	0+0		12+10	0+0	
3		CIO+RP1-P4	7:25	19+3	0+0		14+8	0+0	RP1 BENH NHAN PSV
4		P7+P3	9:25	16+6	0+0		12+10	0+0	
5		CNV+P5+P6	9:25	22+0	0+0		1+18+3	0+0	CNV SU CO
6		AMD+P3	9:25	15+6	0+0		12+10	0+0	
7		P4+P6	11:25	21+0	0+0		9+12	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	TO: TD3 - TD1 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - Mạnh - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM CUONG	TD3	25	1	4	40	82	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN KHUU	TD3	21	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ NGỌC LUÂN	TD3	20	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ DUY NGỌC	TD3	27	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD3	26	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOÀNG	TD3	22	1	10		72	ANTOAN	Vietnamese
7	KHƯƠNG THANH DƯƠNG	TD3	23-24	2	6		61	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN AI PHÚC	TD3	28	1	9		69	NHATHAU	Vietnamese
9	ARUSHANOV	TD1	49	1	10	60	108	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN VĂN DỪNG	TD1	50	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	53	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	59	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN MINH	TD1	51	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG TIỀN	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN DUY	TD1	60	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN HOÀN	TD1	58	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NG MINH HẢI*PK-PVD	TD1	52	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VĂN NINH	TD1	54	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ XUÂN THẮNG	TD1	56-57	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HỮU HÙNG	TD1	55	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ DỪNG	TD1	61	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD1	48	1	9		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	9	74	537	40	2		
2	TD1	14	14	90	1.032	60	12		
3	P5	0	0	0	0	20	8		
TOTAL		22	23	164	1.569	120	22		
WEIGHT KG				164	1.569	120			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: AMD - P4	CREW: HUNG - Duong - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	AMD	18	1	11		73	HLJOC	Vietnamese
2	HY TAC SANG	AMD	12	1	5	13	72	TLJOC	Vietnamese
3	PHAM TUAN HA	AMD	14-15	2	12	40	73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG THANH	AMD	17	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO BA THANH	AMD	09	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH CAN	AMD	05	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH HUNG	AMD	07	1	7	15	55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HOANG	AMD	06	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN TAN TRI	AMD	10	1	5	7	68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH KHANH	AMD	16	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM ANH NGU	AMD	22	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN QUANG	AMD	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	MARJIEV M. M-C.	P4	38-39	2	10		80	KH-THAC	Russian
14	SOKOLUK S. M.	P4	34	1	7	70	86	KH-THAC	Russian
15	VLASOV A. M.	P4	41	1	11		98	KH-THAC	Russian
16	DO HUU NAM	P4	37	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN VINH	P4	42	1	13		88	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN SI TUAN	P4					61	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH DUC	P4	33	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO MINH TUAN	P4	35	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN CHIEN	P4	36	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN THANH SON	P4	40	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	13	82	831	75	12		
2	P4	10	10	75	787	70	10		
TOTAL		22	23	157	1.618	145	22		
WEIGHT KG				157	1.618	145			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: CLO - RP1 - P4	CREW: Khang - MMinh - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DATSKO PAVEL	CLO	44	1	8	70	105	KHOAN	Russian
2	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	55	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THANH	CLO	43	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	42	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH NGỌC BÌNH*PK-PVD	CLO	50	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
6	MAI VĂN HỘI	CLO	49	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	45	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	CLO	46	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	51	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
10	CHU MINH HÂN	CLO	47-48	2	16		100	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TIỀN	CLO	41	1	8		95	KHOAN	Vietnamese
12	MAI THẾ HIỀN	CLO	60	1	10		89	KHOAN	Vietnamese
13	BUI THAI QUI	CLO	59	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRUNG	CLO	52	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	CLO	61-62	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
16	VÕ NGỌC THAI SƠN	CLO	56	1	10	54	68	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM THẾ VINH	CLO	57-58	2	10		98	NIPI	Vietnamese
18	LÊ VĂN PHÚ	CLO	53	1	5		78	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU BÌNH	CLO	54	1	8		55	PSV	Vietnamese
20	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	80	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	81	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM VĂN PHÚC	P4	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	22	164	1.491	124	13		
2	RP1	0	0	0	0	0	2		
3	P4	3	3	19	193	0	7		
TOTAL		22	25	183	1.684	124	22		
WEIGHT KG				183	1.684	124			

GRAND TOAL: 1.991 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P7 - P3	CREW: Vận - Mạnh - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMAREHKO	P7	77	1	7	70	67	D-HANH	Russian
2	LUONG QUOC VUONG	P7	85	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH HOAI NAM	P7	87	1	17		85	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VAN SON	P7	84	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI CONG LAN	P7	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TIEN HIỆP	P7	76	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH VAN PHUONG	P7					79	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGOC SON	P7	88	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN DINH PHAC	P7	80	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM ĐANG GIANG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
11	SAGIROV M. S.	P7	60	1	15		70	KH-THAC	Russian
12	SHEVCHENKO	P7	78	1	6		67	KH-THAC	Russian
13	ROGINSKY	P7	79	1	5		112	ANTOAN	Russian
14	ĐẠO TUAN CHỮ	P7	83	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC CUÔNG	P7	81	1	6		63	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TÀI	P7	82	1	5		74	PSV	Vietnamese
17	PHẠM TRẦN TUÂN AN	P3	23-24	2	13	55	76	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN THANH	P3	22	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM TUAN KHAI	P3	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ KHAI ĐẠT	P3	25-26	2	15		95	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	20	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	16	14	99	1.187	70	12		
2	P3	6	8	50	443	55	10		
TOTAL		22	22	149	1.630	125	22		
WEIGHT KG				149	1.630	125			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: CNV - P5 - P6	CREW: HUNG - Duong - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TUNG	CNV	45	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG KHANG	P5	97	1	5	60	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG VIET	P5	10	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ANH NGOC	P5	96-97	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO DINH HUY	P5	16	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TONG XUAN SINH	P5	99,600	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGOC	P5	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LUONG VAN THANH	P5	29,799	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRONG NGHIA	P5	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CAO MANH	P5	798	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUY TRUNG	P5	28	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG THANG	P5	05	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
13	VU PHUONG HUONG	P5	94	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN TOAN	P5	06	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	P5	08-09	2	13		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NIKITIN	P5	95	1	3		95	ANTOAN	Russian
17	NGUYEN TUAN ANH	P5	04	1	12		65	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN DUNG	P5	91	1	14		59	DVL	Vietnamese
19	PHAM VAN SANG	P5	01	1	12		68	DVL	Vietnamese
20	VU CHI THANH	P5	95-96	2	15	10	75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DONG	P5	92-93	2	16		70	DVL	Vietnamese
22	LE MINH HOANG	P5	02-03	2	15		85	NIPi	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	1	1	9	68	0	1		
2	P5	21	28	198	1.479	70	18		
3	P6	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		22	29	207	1.547	110	22		
WEIGHT KG				207	1.547	110			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	TO: AMD - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - DTùng	ETA: 11:30

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VINH QUANG	AMD	28	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	29-30	2	14		92	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	AMD	39	1	10	15	72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	43-44	2	5	90	58	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VAN THUY	AMD	37-38	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VIET PHUONG	AMD	27	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHA	AMD	25-26	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH BÌNH	AMD	35	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU HỮU CHÍNH	AMD	24	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HUNG	AMD	32-33	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NG CÔNG THANH	AMD	36	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	31	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT DUC	AMD	41	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	42	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	34	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	VĂN MINH TÂN	P3	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	31-32	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG THANH	P3	33	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH TU	P3	35-36	2	5		84	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P3	60	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
21	TÔ CÔNG TẠNH	P3	34	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
22	HOANG DUC TUAN	P3	61	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	20	139	1.070	105	12		
2	P3	7	9	56	469	0	10		
TOTAL		22	29	195	1.539	105	22		
WEIGHT KG				195	1.539	105			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Xin chữ ký Pilot



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: P4 - P6	CREW: Vận - XTrường - Luy	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VIỆT	P4	700	1	2	30	63	KHI	Vietnamese
2	HOÀNG KHẮC DU	P4	83-84	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÂM XUÂN HAI	P4	85	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	92	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	78	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HAI	P4	87	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THANH CAM	P4	86	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	P4	72	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC MINH	P4	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	95	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU THANH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	94	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG BẦY	P4	90	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC VĂN	P4	88	1	13		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ VĂN CẢNH	P4	91	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ TRI HÙNG	P4	93	1	10	25	62	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG MẠNH PHU	P4	96	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN PHƯƠNG	P4	74-75	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG SƠN	P4	76-77	2	16		65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỆP THANH	P4	89	1	7	28	85	CODIEN	Vietnamese
21	LUONG THE HIEN	P4	98-99	2	13		65	NIPI	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN HONG	P4	73	1	3		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	25	172	1.474	83	10		
2	P6	0	0	0	0	60	12		
TOTAL		22	25	172	1.474	143	22		
WEIGHT KG				172	1.474	143			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD	7:25	22	0		22	0	
2		PS-PPD+CTK3	7:25	1+21+1	0+0		0+21+1	0+0	P5 SU CO TOI KHOAN
3		VSP01+P2+AMD	9:25	3+11+7	0+0+0		0+11+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Ra về trong ngày AMD-9ng; PPD -7 người về chuyến cuối qua P2



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 10:30
FLIGHT: 03	TO: VSP01 - P2 - AMD	CREW: VThắng - MTHAO - MQUÂN	ETA: 12:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÌNH	VSP01	72-73	2	15	40	75	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN CAO TUẤN	VSP01	74	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	VSP01	75	1	8		98	CODIEN	Vietnamese
4	LÂM TÂN TOÀN	P2	95	1	4	23	74	VEMS	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SINH	P2	92	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CHUNG	P2	96-97	2	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TIẾN	P2	67-68	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	P2	93-94	2	12	33	59	CODIEN	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	P2	800,99	2	15		66	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN LONG	P2	90	1	5	25	55	T-TIN	Vietnamese
11	VÕ MINH HIẾN	P2	91	1	4		65	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN TEO	P2	98	1	10		50	PSV	Vietnamese
13	HOÀNG QUỐC LONG	P2	44	1	9		62	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HỮU	P2	89	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH THUẬN	AMD	87-88	2	15		67	VSP	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG LONG	AMD	81-82	2	11		72	VSP	Vietnamese
17	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	85-86	2	14		69	VSP	Vietnamese
18	LÊ THANH TÂN	AMD	77	1	9		60	VSP	Vietnamese
19	BUI TRẦN LIÊM	AMD	80	1	5		65	VSP	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC TOÀN	AMD	83-84	2	10		71	VSP	Vietnamese
21	PHAN VĂN HÒA	AMD	78	1	3		71	PSV	Vietnamese
22	PHI MẠNH HAI	AMD	79	1	4		85	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	3	4	31	240	40	0		
2	P2	11	15	89	703	81	11		
3	AMD	8	12	71	560	0	11		
TOTAL		22	31	191	1.503	121	22		
WEIGHT KG				191	1.503	121			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2020	TO: AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - MTHAO -	ETA: 09:10
XANH-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO VIACHESLAV	AMD	52	1	4	110	100	VSP	Russian
2	TRIANDOFILIDI YURIY	AMD					98	VSP	Russian
3	YAMERIN EVGENII	AMD	66	1	5		80	VSP	Russian
4	MEDINSKIY VALERY	AMD	67	1	5		74	VSP	Russian
5	BUI ĐỨC THƯỜNG	AMD	62	1	2		54	VSP	Vietnamese
6	PHẠM THANH HA	AMD	55	1	2		65	VSP	Vietnamese
7	HOANG VAN DUONG	AMD	61	1	5		65	VSP	Vietnamese
8	STOLIAR DMITRII	AMD	69	1	4		111	VSP	Russian
9	POPOV ALEXEY	AMD	53	1	4		74	VSP	Russian
10	NGUYEN DUY LAM	AMD	51	1	10		69	HLJOC	Vietnamese
11	TÔ HOÀI NAM	AMD	63	1	5		76	SSTECH	Vietnamese
12	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	68	1	12		72	VSP	Vietnamese
13	NGUYỄN BẠCH HÀ	AMD	59	1	9		70	VSP	Vietnamese
14	LÊ TRI TRUNG	AMD	54	1	4		75	VSP	Vietnamese
15	THAI NG HAI VI	AMD	60	1	10		88	VSP	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	57	1	5		68	VSP	Vietnamese
17	TRẦN QUANG LONG	AMD	56	1	6		75	VSP	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THẮNG	AMD	58	1	7		71	VSP	Vietnamese
19	THAI THANH THAO	AMD	70	1	7		75	VSP	Vietnamese
20	ĐỖ THẾ THANH	AMD	64-65	2	15		70	VSP	Vietnamese
21	PHẠM TUÂN CHUNG	AMD	50	1	6		65	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	21	127	1.595	110	22		
TOTAL		21	21	127	1.595	110	22		
WEIGHT KG				127	1.595	110			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P5 - PPD - CTK3	CREW: Hồi - MTuấn - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH LINH	P5	17	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TÂN	PPD	68	1	3	3	72	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM THỊ THUY	PPD				120	50	D-HANH	Vietnamese
4	ĐOÀN VIỆT DUNG	PPD					90	D-HANH	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN THANH	PPD					72	D-HANH	Vietnamese
6	VŨ DUY THOẠI	PPD					55	D-HANH	Vietnamese
7	VŨ THỊ QUYNH	PPD					56	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THANH	PPD					68	D-HANH	Vietnamese
9	BUI VĂN VIỆN	PPD	67	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	60	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN ĐẠO	PPD	40	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	62	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH TRÍ	PPD	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO ĐỨC QUÂN	PPD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	41	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	BIỆN MINH SƠN	PPD	39	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN VIỆT	PPD	66	1	9	30	68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	63-64	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	61	1	8		100	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	1	1	4	53	0	0		01 DP THAY CA(NGOI GHE PHU CA DIVE) MR: PHAM HUU TUNG
2	PPD	21	13	85	1.463	153	21		
3	CTK3	0	0	0	0	0	1	1	
TOTAL		22	14	89	1.516	153	22		
WEIGHT KG				89	1.516	153			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN